

NHÓM TOÁN MƯỜNG LÁT

MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ CỤ THỂ GIỮA HK I MÔN TOÁN-LỚP 6

(Thời gian: 90 phút)

(Tuần 10)

TT (1)	Chương/ Chủ đề (2)	Nội dung/Đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4)	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng % điểm (13)						
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao								
				TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TN KQ	TL							
1	Chủ đề 1: Số tự nhiên	Nội dung 1: <i>Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên</i>	Nhận biết – Nhận biết được tập hợp các số tự nhiên. (Câu 1)	1 (0,25 đ)								2,5%						
			Thông hiểu: – Biểu diễn được số tự nhiên trong hệ thập phân. – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã. (Câu 8)										1 (0,25 đ)					2,5%
			Vận dụng: – Sử dụng được thuật ngữ tập hợp, phần tử thuộc (không thuộc) một tập hợp; sử dụng được cách															

			cho tập hợp.									
		Nội dung 2: <i>Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên</i>	Nhận biết – Nhận biết được thứ tự thực hiện các phép tính. (Câu 2)	1 (0.25 đ)								2,5%
			Thông hiểu – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số tự nhiên.(Câu 14 a,b)				2 (2,0 đ)					20%
			Vận dụng – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng trong tính toán. – Thực hiện được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên; thực hiện được các phép nhân và phép chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ						1 (1 điểm)			10%

			tự nhiên. – Vận dụng được các tính chất của phép tính (kể cả phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên) để tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí. – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) gắn với thực hiện các phép tính (ví dụ: tính tiền mua sắm, tính lượng hàng mua được từ số tiền đã có, ...).									
			Vận dụng cao – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).									
		Nội dung 3: Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	Nhận biết : – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. (Câu 3) – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. (Câu 4) – Nhận biết được phép chia có	3 (0.75 đ)								7.5%

			dư, định lí về phép chia có dư. – Nhận biết được phân số tối giản.(câu 5)								
			Vận dụng: – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung, ước chung lớn nhất; xác định được bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên; thực hiện được phép cộng, phép trừ phân số bằng cách sử dụng ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.(câu								

			15) – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (đơn giản, quen thuộc) (ví dụ: tính toán tiền hay lượng hàng hoá khi mua sắm, xác định số đồ vật cần thiết để sắp xếp chúng theo những quy tắc cho trước,...).									
			Vận dụng cao: – Vận dụng được kiến thức số học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn (phức hợp, không quen thuộc).							1 (1,0 đ)		10%
2	Chủ đề 2: Các hình phẳng trong thực tiễn	Nội dung 1: Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều	Nhận biết – Nhận dạng được tam giác đều, hình vuông, lục giác đều.(câu 6)	1 (0,25đ)								2,5%
			Thông hiểu – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của: tam giác đều (ví dụ: ba cạnh bằng nhau, ba góc bằng nhau); hình vuông (ví dụ: bốn cạnh bằng nhau, mỗi góc là góc vuông, hai đường chéo bằng nhau); lục giác đều (ví dụ: sáu cạnh bằng nhau, sáu góc bằng nhau, ba đường chéo			2 (0.5 điểm)						5%

			chính bằng nhau).(câu 9,10)									
			Vận dụng – Vẽ được tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập. – Tạo lập được lục giác đều thông qua việc lắp ghép các tam giác đều.									
	Nội dung 2: <i>Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân</i>	Nhận biết - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.(câu 7, 12)	2 (0,5 đ)									5%
		Thông hiểu — Vẽ được hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. (Câu 16) – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên (ví dụ: tính chu vi hoặc diện tích của một số đối tượng có dạng đặc biệt nói trên,...).(Câu 11)			1 (0,25đ)	1 (1,0đ)						12,5 %
		Vận dụng –Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt						1 (1,0 đ)				10%

			nói trên. (câu 17)									
Tổng				8	0	4	3	0	3	0	1	19
Tỉ lệ %				20%		40%		30%		10%		100%
Tỉ lệ chung				60%				40%				100%

TRƯỜNG THCS.....

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 6

Thời gian làm bài: 90 phút

I. Trắc nghiệm khách quan (3,0 điểm)

Em hãy chọn phương án trả lời đúng cho các câu hỏi sau.

Câu 1. Số nào sau đây là số tự nhiên

- A. 0,1. B. $\frac{-1}{4}$. C. 4. D. 0, 25.

Câu 2. Kết quả phép tính $7 - 3.2$?

- A. 1 B. 0 C. 8 D. 4

Câu 3. Số nào sau đây chia hết cho 3

- A. 323 B. 324 C. 325. D. 326.

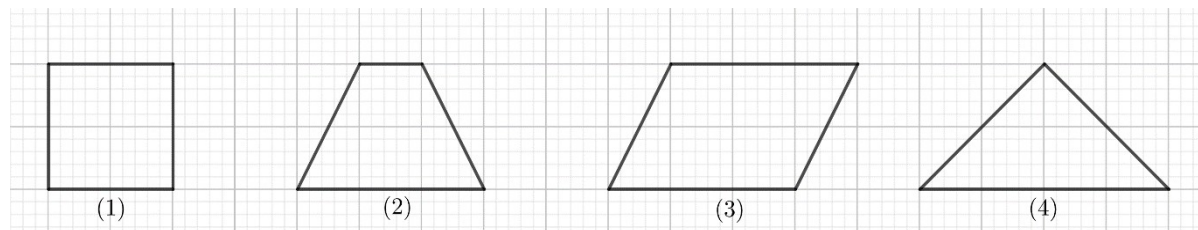
Câu 4. Trong các số sau đây, số nào là số nguyên tố

- A. 39. B. 15. C. 13. D. 24.

Câu 5. Trong các phân số sau đây, phân số nào là phân số tối giản

- A. $\frac{5}{15}$. B. $\frac{14}{108}$. C. $\frac{18}{27}$. D. $\frac{14}{23}$.

Câu 6. Trong các hình sau đây, hình nào là hình vuông?



A. Hình (1). B. Hình (2). C. Hình (3). D. Hình (4).

Câu 7. Trong các hình sau đây, hình nào có bốn góc vuông ?

A. Hình thoi. B. Hình chữ nhật. C. Hình thang cân. D. Hình bình hành.

Câu 8. Số La Mã **IX** biểu diễn cho số nào sau đây ?

A. 10. B. 9. C. 8. D. 4.

Câu 9. Khẳng định nào sau đây là **sai**?

- A. Tam giác đều có ba góc bằng nhau.
- B. Hình vuông có hai đường chéo không bằng nhau.
- C. Hình vuông có bốn cạnh bằng nhau.
- D. Hình vuông có bốn góc bằng nhau.

Câu 10. Khẳng định nào sau đây là **đúng** ?

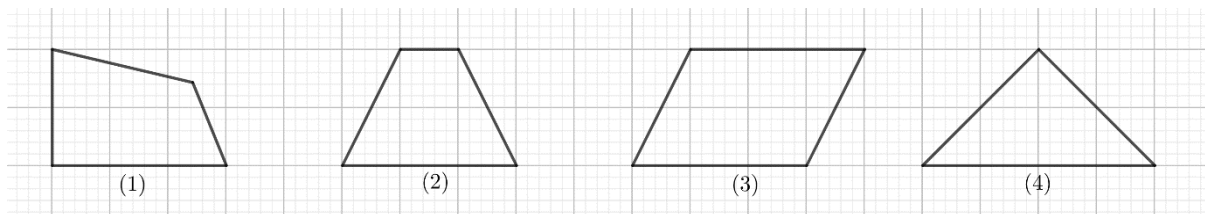
Trong lục giác đều :

- A. Các góc bằng nhau và bằng nhau và bằng 90° .
- B. Đường chéo chính bằng đường chéo phụ.
- C. Các góc bằng nhau và bằng nhau và bằng 60° .
- D. Các đường chéo chính bằng nhau.

Câu 11. Chu vi hình vuông có cạnh bằng 10cm là ?

A. 20cm . B. 30cm . C. 40cm . D. 50cm .

Câu 12. Trong các hình sau đây, hình nào là hình thang cân?



A. Hình (1).

B. Hình (2).

C. Hình (3).

D. Hình (4).

II. Tự luận (7,0 điểm)

Câu 13. (1 điểm) Cho tập hợp $B = \left\{ 1; \frac{1}{3}; \frac{1}{5}; \frac{1}{7}; \dots \right\}$. Hãy biểu diễn lại tập hợp B bằng cách nêu dấu hiệu đặc trưng của các phần tử.

Câu 14. (3 điểm) Thực hiện phép tính:

a) $15.4 - 20$.

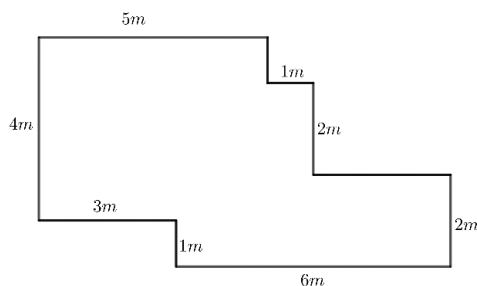
b) $3^2.4 - 9.2$.

c) $25 - \left[4^2 : (4 - 2^1) \right]$.

Câu 15. (1 điểm) Trong một buổi tập đồng diễn thể dục có khoảng 400 đến 500 người tham gia. Thầy tổng phụ trách cho xếp thành hàng 5, hàng 6, hàng 8 đều thừa một người. Hỏi có chính xác bao nhiêu người tham gia buổi tập đồng diễn thể dục đó?

Câu 16. (1 điểm) Vẽ hình chữ nhật có chiều dài là 3cm và chiều rộng là 2cm .

Câu 17. (1 điểm) Một mảnh vườn có hình dạng như hình dưới đây. Tính diện tích mảnh vườn



HDC ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I – MÔN TOÁN LỚP 6

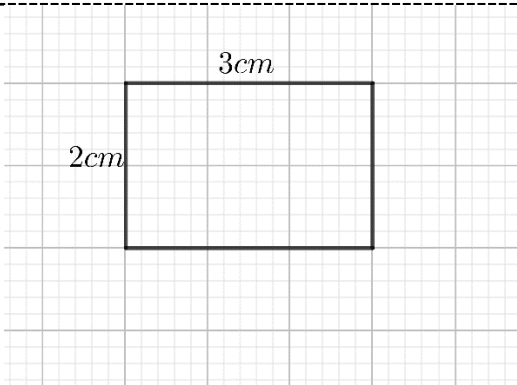
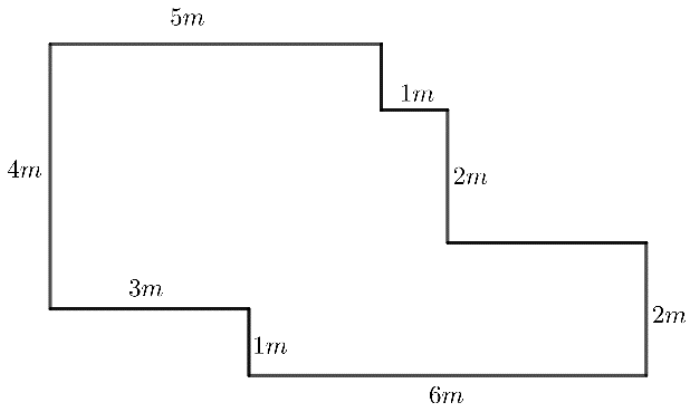
I. Trắc nghiệm (Mỗi câu đúng được 0,25 điểm)

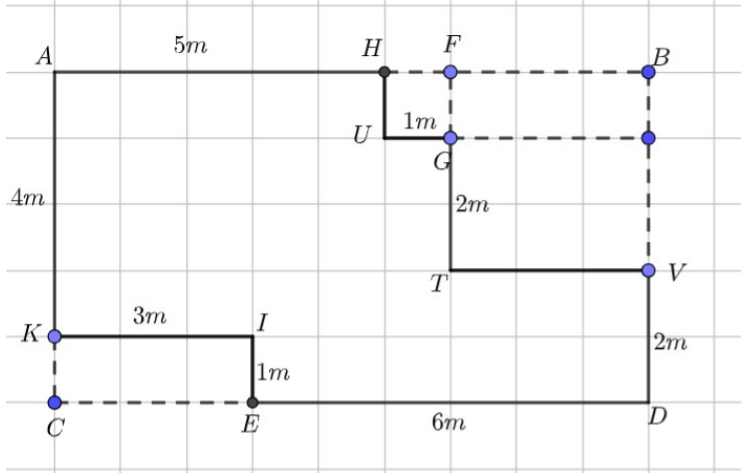
1. C	2.A	3.B	4.C	5.C	6.A	7.B	8.B	9.B	10.D	11.C	12.B
------	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	-----	------	------	------

II. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
13 (1,0 điểm)	Cho tập hợp $B = \left\{ 1; \frac{1}{3}; \frac{1}{5}; \frac{1}{7}; \dots \right\}$. Hãy biểu diễn lại tập hợp B bằng cách nêu dấu hiệu đặc trưng của các phần tử.	
	$1 = 2.0 + 1$ $3 = 2.1 + 1$ $5 = 3.1 + 1$...	0,5
	$B = \left\{ x / x = \frac{1}{2k+1}; k \in N \right\}$	0,5
Câu 14 (3,0 điểm)	Thực hiện phép tính: a) $15.4 - 20$. b) $3^2.4 - 9.2$. c) $25 - \left[4^2 : (4 - 2^1) \right]$	
	a) $15.4 - 20$ $= 60 - 20$	0,5
	$= 40$	0,5

	b) $3^2 \cdot 4 - 9 \cdot 2$.	0,25
	$= 9 \cdot 4 - 9 \cdot 2$.	
	$= 9 \cdot (4 - 2)$	0,25
	$= 9 \cdot 2$	0,25
	$= 18$	0,25
	c) $25 - \left[4^2 : (4 - 2^1) \right]$	0,25
	$= 25 - \left[16 : (4 - 2) \right]$	0,25
	$= 25 - 8$	0,25
	$= 13$	0,25
Câu 15 (1,0 điểm)	Trong một buổi tập đồng diễn thể dục có khoảng 400 đến 500 người tham gia. Thầy tổng phụ trách cho xếp thành hàng 5, hàng 6, hàng 8 đều thừa một người. Hỏi có chính xác bao nhiêu người tham gia buổi tập đồng diễn thể dục đó?	
	Gọi số người tham gia đồng diễn thể dục là x ($400 \leq x \leq 500; x \in N^*$).	0,25
	Do thầy tổng phụ trách cho xếp thành hàng 5, hàng 6, hàng 8 đều thừa một người nên $(x - 1) \in BC(5, 6, 8)$ Suy ra $(x - 1) \in \{0; 120; 240; 360; 480; \dots\}$	0,25
	Mặt khác $400 \leq x \leq 500$. Nên $x - 1 = 480$.	0,25
	Suy ra $x = 481$ (thỏa mãn điều kiện). Vậy số người tham gia đồng diễn thể dục là 481 người.	0,25

Câu 16 (1,0 điểm)	Vẽ hình chữ nhật có chiều dài là 3cm và chiều rộng là 2cm	1.0
		
Câu 17 (1,0 điểm)	Một mảnh vườn có hình dạng như hình dưới đây. Tính diện tích mảnh vườn 	

	 Gọi S là diện tích mảnh vườn.	0,25
	$S_{ABDC} = S_{KIEC} + S_{HFGU} + S_{FBVT} + S$	0,25
	$\Rightarrow S = S_{ABDC} - S_{KIEC} - S_{HFGU} - S_{FBVT}$	0,25
	$\Rightarrow S = 9.5 - 3.1 - 1.1 - 3.3 = 32 (m^2)$	0.25

Hết